

BẢNG GIÁ CƯỚC DỊCH VỤ BƯU CHÍNH

(Mã hiệu BV-BC-04 – ban hành kèm Quyết định số 01/2026/QĐ-BV)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam, đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%; chưa bao gồm phụ phí nhiên liệu và các dịch vụ giá trị gia tăng.

1. Cước dịch vụ chuyển phát nhanh tiêu chuẩn

Nấc khối lượng	Nội thành (Hà Nội, TP.HCM, Đà Nẵng)	Liên tỉnh đến 300 km	Liên tỉnh trên 300 km
Đến 50 g	9.500	14.000	15.000
Trên 50 g đến 100 g	12.000	17.500	19.000
Trên 100 g đến 250 g	13.500	23.500	27.500
Trên 250 g đến 500 g	18.500	32.000	33.000
Trên 500 g đến 1.000 g	21.500	48.000	55.500
Trên 1.000 g đến 1.500 g	25.000	58.500	73.000
Trên 1.500 g đến 2.000 g	29.500	70.000	87.500
Mỗi 1 kg tiếp theo	4.000	5.500	21.000
Thời gian toàn trình	12 – 24 giờ	24 – 36 giờ	24 – 48 giờ

2. Cước dịch vụ chuyển phát hỏa tốc

Nấc khối lượng	Nội thành	Hà Nội ↔ Đà Nẵng, Hà Nội ↔ TP.HCM	TP.HCM ↔ Đà Nẵng
Đến 2.000 g	88.000	330.000	275.000
Mỗi 1 kg tiếp theo	22.000	38.500	27.500
Thời gian toàn trình	Nhận trước 12h00, phát trước 17h00 cùng ngày	Nhận trước 9h00 phát trước 17h30; nhận sau 9h00 phát trước 22h00 cùng ngày	Nhận trước 9h00 phát trước 17h30 cùng ngày

3. Dịch vụ giá trị gia tăng (cộng thêm, chưa gồm cước chính)

Dịch vụ	Giá cước	Ghi chú
Phát hàng thu tiền (COD)	3% giá trị thu hộ	Tối thiểu 30.000 đ/bưu gửi; đối soát và chuyển trả trong 03 ngày làm việc
Bảo hiểm hàng hóa (khai giá)	2,5% giá trị khai	Tối thiểu 100.000 đ/bưu gửi
Báo phát	5.000 đ/bưu gửi	Xác nhận có chữ ký người nhận (bản điện tử/bản giấy)
Phát tận tay người nhận	10.000 đ/bưu gửi	Đối chiếu giấy tờ tùy thân
Đồng kiểm khi phát	10.000 đ/bưu gửi	Theo yêu cầu người gửi ghi trên phiếu gửi
Chuyển hoàn / chuyển tiếp	Bằng cước chiều đi	

Đóng gói theo yêu cầu	Từ 10.000 đ/kiện	Theo vật liệu thực tế
Phụ phí vùng sâu, vùng xa (xã, huyện xa trung tâm)	25% cước chính	Thời gian toàn trình cộng thêm 12 – 24 giờ; thông báo trước khi nhận gửi
Phụ phí nhiên liệu	Hiện không thu	Khi áp dụng, Công ty thông báo trước 15 ngày và thông báo với cơ quan quản lý bưu chính

4. Quy định chung

- Khối lượng tính cước là khối lượng lớn hơn giữa khối lượng thực tế và khối lượng quy đổi (Dài x Rộng x Cao (cm) / 6.000 đối với hàng không; / 3.000 đối với đường bộ).
- Cước dịch vụ thư trong nước (đến 02 kg) không thấp hơn 8.000 đồng/chiếc theo quy định về phạm vi dịch vụ bưu chính dành riêng.
- Khách hàng ký hợp đồng gửi thường xuyên được áp dụng giá cước thỏa thuận; mức giảm khuyến mại không vượt quá 50% giá cước công khai gần nhất.
- Cước dịch vụ chuyển phát quốc tế: báo giá theo từng quốc gia, khối lượng và dịch vụ của đối tác vận chuyển tại thời điểm chấp nhận.
- Bảng giá này có hiệu lực từ ngày 01/10/2026, thay thế Bảng giá cước ngày 20/12/2016; được niêm yết tại điểm phục vụ và đăng tải tại <https://www.baovan.com.vn>.

GIÁM ĐỐC

Đỗ Văn Minh